

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-PT

Ngày 16-11-2020

V/v tranh chấp về Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà;

Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Nhâm Thị Thanh Hên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/HNĐG – ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986;

HKTT: Thôn H Tr, xã Th D, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở: Số nhà 1857, tổ 1, khu phố Th B, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trương T A, sinh năm 1981;

HKTT: Thôn H Tr, xã Th D, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở: Số nhà 1802, tổ 6, phố L Kh 3, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh

Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Anh Trương T A là bị đơn trong vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh T A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Th D, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Th D, đến năm 2008 vào thành phố B H, tỉnh Đồng Nai sinh sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần chia sẻ để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh T A.

+ Bị đơn anh Trương T A trình bày: anh T A xác nhận thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L đã trình bày, ngoài ra anh T A còn nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình. Nay chị L xin ly hôn anh T A đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Tấn D, sinh ngày 08/8/2006 và Trương Gia H, sinh ngày 28/11/2014. Do vợ chồng đi làm ăn xa nên nhờ mẹ anh T A là bà Phạm Thị M nuôi dưỡng con Trương Tấn D từ khi còn nhỏ, hiện cháu đang học tại trường Trung học cơ sở xã Th D, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; con Trương Gia H do vợ chồng trực tiếp nuôi dưỡng, học tại trường mầm non Sơn Anh, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai, từ khi Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết ly hôn anh T A đã đưa về nhờ mẹ đẻ là bà Phạm Thị M nuôi dưỡng. Ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi con Trương Gia H còn anh T A nuôi con Trương Tấn D, nếu con Trương Tấn D có nguyện vọng ở cùng chị thì chị xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị L đang làm công nhân tại Công ty TNHH GỖ LEF FU, địa chỉ: khu công nghiệp T Ph, phường T Ph, thành phố

BH, tỉnh Đồng Nai theo hình thức hợp đồng không thời hạn, thu nhập khoảng 17.000.000đ/tháng.

Anh T A đề nghị Tòa án giao con D cho chị L nuôi dưỡng, anh xin nuôi cháu H, hiện anh đang làm thủ tục cho cháu H học tại trường Tiểu học xã Th S, huyện Th Th. Nếu chị L không muốn nuôi con D hoặc sau này con D không thích ở với chị L, muốn ở với bà nội thì chị L phải có trách nhiệm gửi tiền về chu cấp nuôi con D, nếu chị L không gửi tiền về nuôi con D thì anh sẽ nuôi cả hai con. Hiện tại anh T A đang mở quán cà phê ở khu phố Long Khánh 3, phường T Ph, thành phố B H thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng.

- Về quan hệ tài sản: chị L và anh T A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại bản án số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A.

2. Về nuôi con chung:

- Xử giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Gia H, sinh ngày 28/11/2014; giao cho anh Trương T A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Tấn D, sinh ngày 08/8/2006. Chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, có quyền yêu cầu người thay đổi trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2020, anh Trương T A kháng cáo phần nuôi con chung của bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho anh được nuôi con Trương Gia H, chị L nuôi con Trương Tấn D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A có hai con chung là Trương Tấn D, sinh ngày 08/8/2006 và Trương Gia H, sinh ngày 28/11/2014. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho chị L được nuôi cháu H, anh T A nuôi cháu D. Anh T A kháng cáo xin được nuôi dưỡng cháu H để chị L nuôi cháu D với lý do hiện nay cháu H đang theo học tại trường Tiểu học xã Thụy Sơn, anh xin được nuôi cháu vì cháu còn bé đang học lớp 1, cần phải kèm cặp, anh là lao động tự do nên có nhiều thời gian, chị L là công nhân làm việc theo ca nên không có thời gian để chăm sóc cháu H và cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, chị L và anh T A đều có việc làm, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cháu D trên thực tế đã ở với bà nội từ khi được 2 tuổi và hiện đang theo học lớp 9 tại Trường Trung học cơ sở xã Th D, huyện Th Th, đây là thời điểm chuẩn bị chuyển cấp, cần có sự ổn định để cháu yên tâm học tập, nếu giao cháu D cho chị L nuôi dưỡng cháu sẽ phải chuyển trường theo mẹ vào Đồng Nai sinh sống, việc này sẽ làm thay đổi môi trường học tập của cháu, phần nào ảnh hưởng đến kết quả học tập. Cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đối với con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, tuy nhiên nguyện vọng của con từ 7 tuổi trở lên chỉ là một căn cứ để Tòa án xem xét, không phải là căn cứ bắt buộc để giao con theo nguyện vọng của con. Cháu H hiện còn nhỏ cần

sự chăm sóc của người mẹ và từ nhỏ cháu đã ở với mẹ đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh T A mới đón cháu về Th D sinh sống, mặc dù hiện nay cháu đang theo học Tiểu học xã Th S nhưng việc giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng tuy cũng làm thay đổi môi trường học tập của cháu nhưng cháu còn bé, việc thay đổi này không làm ảnh hưởng nhiều đến việc học tập của cháu, mặt khác lý do anh T A đưa ra để xin được nuôi cháu H không có tính thuyết phục. Bản án sơ thẩm đã phân tích điều kiện, hoàn cảnh của chị L, anh T A và quyết định giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T A nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T A, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Trương T A không được chấp nhận nên anh T A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trương T A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình về phần nuôi con chung.

- Xử giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Gia H, sinh ngày 28/11/2014; giao cho anh Trương T A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Tấn D, sinh ngày 08/8/2006. Chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Chị Nguyễn Thị L và anh Trương T A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, có quyền yêu cầu người thay đổi trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

2. Về án phí:

Anh Trương T A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T A đã nộp theo biên lai số 0002333 ngày 05/8/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Th Th, tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn phúc thẩm.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết

thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án; THA huyện Th Th, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Th D, h Th Th, tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Hải Yến